

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC
LOẠI C NHNN NĂM 2019-2020

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 1 KỲ THI TUYỂN CÔNG CHỨC LOẠI C
VÀO LÀM VIỆC TẠI 08 NHNN CHI NHÁNH KHU VỰC MIỀN TRUNG NĂM 2019-2020**

Ghi chú: Số câu hỏi phần thi kiến thức chung là 60 câu; Số câu hỏi phần thi Tiếng Anh là 30 câu. Kết quả Vòng 1 được xác định theo số câu trả lời đúng cho từng phần thi nói trên, thí sinh trả lời đúng từ 50% số câu hỏi trở lên cho từng phần thi tại Vòng 1 được thi tiếp Vòng 2. Theo đó, thí sinh có số câu trả lời đúng từ 30 câu trở lên đối với phần thi Kiến thức chung và 15 câu trở lên đối với phần thi tiếng Anh sẽ tiếp tục dự thi Vòng 2 - Phòng vấn.

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả
						Điểm KTC	Điểm TA	
I	NHNN CN HÀ TĨNH							
1	NV 3078	Nguyễn Thị Thùy	Linh		10-10-1993	50/60	24/30	Đạt
2	NV 3081	Lê Hải Ngọc	Châu	18-09-1991		40/60	20/30	Đạt
3	NV 3097	Nguyễn Thị Phương	Nga		16-11-1988	42/60	24/30	Đạt
4	NV 3098	Phan Hồng	Nhật		06-07-1997	38/60	Miễn	Đạt
5	NV 3100	Nguyễn Sỹ Bảo	Quốc	14-04-1994		36/60	21/30	Đạt
6	NV 3101	Lê Thị	Quyên		25-04-1989	45/60	17/30	Đạt
7	NV 3102	Trần Thị	Quyên		27-07-1997	41/60	18/30	Đạt
8	NV 3104	Nguyễn Thị Hoài	Thanh		26-04-1992	41/60	17/30	Đạt
9	NV 3105	Lê Thanh	Thủy		13-08-1997	Vắng	Vắng	Vắng
10	NV 3106	Đào Thị Huyền	Trang		01-05-1997	Vắng	Vắng	Vắng
11	NV 3107	Trần Xuân	Trường	02-12-1998		Vắng	Vắng	Vắng
12	NV 3079	Nguyễn Thị	Thu		05-08-1993	Vắng	Vắng	Vắng
13	NV 3080	Trần Thị Ngọc	Anh		25-09-1997	Vắng	Vắng	Vắng
14	NV 3077	Nguyễn Xuân	Hiếu	14-01-1993		Vắng	Vắng	Vắng
15	NV 3082	Nguyễn Công	Đạt	08-07-1993		Vắng	Vắng	Vắng
16	NV 3083	Trần Minh	Đức	22-01-1996		Vắng	Vắng	Vắng
17	NV 3084	Nguyễn Thị Việt	Hà		12-02-1995	Vắng	Vắng	Vắng
18	NV 3085	Phạm Việt	Hà		25-08-1997	Vắng	Miễn	Vắng
19	NV 3086	Lê Thị	Hạnh		13-01-1992	Vắng	Vắng	Vắng
20	NV 3087	Ngô Thị Cẩm	Hằng		16-08-1995	Vắng	Vắng	Vắng
21	NV 3088	Nguyễn Văn	Hậu	07-05-1993		Vắng	Vắng	Vắng

Skp

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả
						Điểm KTC	Điểm TA	
22	NV 3089	Biện Thị Thu	Hiền		28-03-1997	Vắng	Vắng	Vắng
23	NV 3090	Lê Thị	Hòa		09-12-1982	Vắng	Vắng	Vắng
24	NV 3091	Nguyễn Thị Thục	Huyền		20-03-1995	Vắng	Vắng	Vắng
25	NV 3092	Phan Thị Khánh	Huyền		06-03-1997	Vắng	Vắng	Vắng
26	NV 3093	Cù Thị Ái	Lê		31-03-1994	Vắng	Vắng	Vắng
27	NV 3094	Nguyễn Thị Thảo	Linh		21-12-1998	Vắng	Vắng	Vắng
28	NV 3095	Nguyễn Thị Thùy	Linh		07-3-1997	Vắng	Vắng	Vắng
29	NV 3096	Nguyễn Thị Hà	Nam		14-03-1997	Vắng	Vắng	Vắng
30	NV 3099	Đậu Lan	Nhi		24-12-1995	Vắng	Vắng	Vắng
31	NV 3103	Đinh	Tuấn	15-09-1992		Vắng	Vắng	Vắng
II NHNN CN QUẢNG TRỊ								
1	NV 3182	Đậu Thị Vân	Anh		19-12-1989	40/60	20/30	Đạt
2	NV 3183	Nguyễn Công Nữ Quỳnh	Anh		19-03-1997	41/60	23/30	Đạt
3	NV 3186	Nguyễn Lê	Châu		13-08-1995	33/60	21/30	Đạt
4	NV 3190	Lê Hiếu	Đức		06-02-1987	30/60	20/30	Đạt
5	NV 3193	Nguyễn Thị Thu	Hằng		02-02-1988	39/60	15/30	Đạt
6	NV 3195	Nguyễn Thị Mai	Hương		05-07-1993	37/60	22/30	Đạt
7	NV 3202	Đoàn Thị Thảo	Nhi		25-12-1993	46/60	18/30	Đạt
8	NV 3205	Nguyễn Thị Thảo	Như		01-02-1997	49/60	26/30	Đạt
9	NV 3210	Hồ Thị Thanh	Thúy		28-02-1998	42/60	23/30	Đạt
10	NV 3211	Nguyễn Thị Huyền	Thương		18-08-1996	45/60	22/30	Đạt
11	NV 3212	Nguyễn Thị Minh	Trang		06-04-1991	49/60	19/30	Đạt
12	NV 3213	Trương Thị	Trang		19-07-1993	43/60	17/30	Đạt
13	NV 3188	Phạm Thị Thùy	Dung		23-07-1984	28/60	Vắng	Không đạt
14	NV 3184	Nguyễn Quỳnh	Anh		09-10-1997	Vắng	Vắng	Vắng
15	NV 3185	Nguyễn Thị Ngọc	Anh		08-02-1997	Vắng	Vắng	Vắng
16	NV 3187	Nguyễn Thành	Chuyên	01-01-1997		Vắng	Vắng	Vắng
17	NV 3189	Hoàng Thị Mỹ	Duyên		14-02-1997	Vắng	Vắng	Vắng
18	NV 3191	Nguyễn Thị	Giang		08-12-1997	Vắng	Vắng	Vắng



Skip

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả
						Điểm KTC	Điểm TA	
19	NV 3192	Đặng Thị Ngọc	Hà		19-11-1991	Vắng	Vắng	Vắng
20	NV 3194	Đặng Bảo	Hoàng	11-10-1993		Vắng	Vắng	Vắng
21	NV 3196	Nguyễn Thị Thùy	Ngân		02/06/1996	Vắng	Vắng	Vắng
22	NV 3197	Võ Đắc Trọng	Nghĩa	12-11-1998		Vắng	Vắng	Vắng
23	NV 3198	Dương Thị Lan	Ngọc		07-08-1992	Vắng	Vắng	Vắng
24	NV 3199	Nguyễn Văn	Ngọc	16-02-1994		Vắng	Vắng	Vắng
25	NV 3200	Nguyễn Thị Như	Nguyệt		06-07-1990	Vắng	Vắng	Vắng
26	NV 3201	Trần Thị	Nguyệt		10-03-1996	Vắng	Vắng	Vắng
27	NV 3203	Trần Tuyết	Nhung		01-10-1995	Vắng	Miễn	Vắng
28	NV 3204	Võ Hồng	Nhung		06-01-1989	Vắng	Vắng	Vắng
29	NV 3206	Trần Thị Thục	Quyên		19-09-1991	Vắng	Vắng	Vắng
30	NV 3207	Hoàng Thị Mỹ	Tuyên		14-09-1998	Vắng	Vắng	Vắng
31	NV 3208	Hoàng Lê Phương	Thảo		27-03-1993	Vắng	Vắng	Vắng
32	NV 3209	Lê Phương	Thảo		22-05-1997	Vắng	Vắng	Vắng
III NHNN CN BÌNH ĐỊNH								
1	NV 3042	Nguyễn Ngọc	Bảo	12-06-1994		39/60	24/30	Đạt
2	NV 3044	Giáp Thị Thùy	Duyên		28-07-1997	40/60	22/30	Đạt
3	NV 3045	Lê Xuân	Dương	10-01-1989		50/60	28/30	Đạt
4	NV 3046	Đặng Thị Thúy	Hằng		04-10-1992	52/60	17/30	Đạt
5	NV 3049	Nguyễn Thị Ngọc	Hung		02-07-1991	43/60	26/30	Đạt
6	NV 3051	Nguyễn Danh	Khoa	18-09-1992		45/60	24/30	Đạt
7	NV 3055	Trần Tổ	Mai		16-06-1990	42/60	19/30	Đạt
8	NV 3057	Phạm Thị	Nở		20-10-1993	40/60	21/30	Đạt
9	NV 3061	Châu Thị Phương	Thoa		12-03-1995	30/60	17/30	Đạt
10	NV 3058	Nguyễn Thanh	Sang	04-03-1991		28/60	11/30	Không đạt
11	NV 3053	Nguyễn Nhật	Linh	15-08-1989		37/60	11/30	Không đạt
12	NV 3062	Trần Hoàng Thanh	Xuân		02-02-1995	Vắng	Vắng	Vắng
13	NV 3041	Bùi Thị Kim	Anh		12-05-1991	Vắng	Miễn	Vắng
14	NV 3043	Vũ Minh	Duy	28-12-1987		Vắng	Miễn	Vắng



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả
						Điểm KTC	Điểm TA	
15	NV 3047	Đặng Thu	Hiền		02-10-1990	Vắng	Vắng	Vắng
16	NV 3048	Nguyễn Thị Thanh	Huyền		02-03-1996	Vắng	Vắng	Vắng
17	NV 3050	Hồ Thanh	Kiều		26-05-1990	Vắng	Vắng	Vắng
18	NV 3052	Ngô Hà Khánh	Linh		22-06-1995	Vắng	Vắng	Vắng
19	NV 3054	Trần Thị Khánh	Linh		30-06-1996	Vắng	Vắng	Vắng
20	NV 3056	Phạm Nguyễn Tuấn	Minh	18-08-1991		Vắng	Vắng	Vắng
21	NV 3059	Mai Văn	Son	13-01-1991		Vắng	Vắng	Vắng
22	NV 3060	Bùi Thị Kim	Thiệp		20-02-1992	Vắng	Vắng	Vắng
IV	NHNN CN QUẢNG NGÃI							
1	NV 3001	Huỳnh Thị Thúy	Cầm		14-06-1995	39/60	24/30	Đạt
2	NV 3002	Phan Thùy	Dung		02-01-1991	50/60	27/30	Đạt
3	NV 3003	Lương Thành	Đức	16-09-1992		35/60	19/30	Đạt
4	NV 3009	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ		11-04-1992	33/60	17/30	Đạt
5	NV 3010	Bùi Nguyễn Duy	Liên	23-02-1992		41/60	21/30	Đạt
6	NV 3012	Võ Thị Phương	Nga		09-10-1993	40/60	20/30	Đạt
7	NV 3013	Ngô Thị Như	Ngọc		06-09-1988	40/60	26/30	Đạt
8	NV 3014	Lê Thị Cầm	Nhung		01-01-1991	41/60	23/30	Đạt
9	NV 3016	Huỳnh Thị Thu	Quảng		15-10-1991	46/60	17/30	Đạt
10	NV 3017	Võ Thị	Quý		20-02-1992	48/60	15/30	Đạt
11	NV 3018	Bùi Thị Kim	Sâm		18-12-1993	41/60	23/30	Đạt
12	NV 3023	Phạm Bích	Trâm		13-06-1993	37/60	20/30	Đạt
13	NV 3024	Tạ Nguyễn Cầm	Trinh		08-03-1997	46/60	26/30	Đạt
14	NV 3026	Nguyễn Thị Thúy	Vy		08-07-1994	42/60	24/30	Đạt
15	NV 3027	Trương Thị Minh	Ý		21-09-1994	45/60	15/30	Đạt
16	NV 3019	Nguyễn Thị Quỳnh	Tiên		21-10-1984	43/60	14/30	Không đạt
17	NV 3020	Nguyễn Thị	Tiến		11-11-1991	51/60	14/30	Không đạt
18	NV 3021	Đỗ Thị Phương	Thảo		02-06-1990	36/60	9/30	Không đạt
19	NV 3022	Lê Thị Thụ	Thảo		21-03-1998	48/60	10/30	Không đạt
20	NV 3025	Tô Thị Kiều	Vân		27-07-1998	35/60	14/30	Không đạt



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả
						Điểm KTC	Điểm TA	
21	NV 3005	Phan Thị Mỹ	Hạnh		02-03-1990	33/60	8/30	Không đạt
22	NV 3015	Nguyễn Văn Khoa	Phước	06-10-1997		25/60	10/30	Không đạt
23	NV 3004	Nguyễn Vũ Ngân	Hà		28-01-1994	Vắng	Vắng	Vắng
24	NV 3006	Phạm Thị Ngọc	Hạnh		02-09-1995	Vắng	Vắng	Vắng
25	NV 3007	Huỳnh Trần Minh	Hiền		17-01-1994	Vắng	Vắng	Vắng
26	NV 3008	Võ Thành	Lê	10-06-1991		Vắng	Vắng	Vắng
27	NV 3011	Trần Thị Diệu	Nương		10-02-1983	Vắng	Vắng	Vắng
V	NHNN CN QUẢNG BÌNH							
1	NV 3064	Hoàng Minh	Dũng	26-05-1997		48/60	26/30	Đạt
2	NV 3069	Lương Đức	Lâm		04-05-1991	38/60	25/30	Đạt
3	NV 3072	Phan Thị Thanh	Thanh		22-01-1998	39/60	24/30	Đạt
4	NV 3073	Đoàn Phương	Thảo		23-08-1989	46/60	22/30	Đạt
5	NV 3076	Trương Lê Hải	Yến		18-11-1997	48/60	22/30	Đạt
6	NV 3063	Nguyễn Ngọc	Anh		28-05-1995	44/60	12/30	Không đạt
7	NV 3065	Cao Đình Như	Hà		29-07-1996	Vắng	Vắng	Vắng
8	NV 3066	Ngô Thị Phương	Hà		27-10-1985	Vắng	Vắng	Vắng
9	NV 3067	Phạm Thị Khánh	Hà		02-09-1996	Vắng	Vắng	Vắng
10	NV 3068	Nguyễn Thị Thu	Hiền		18-12-1986	Vắng	Vắng	Vắng
11	NV 3070	Nguyễn Diệu	Linh		24-11-1998	Vắng	Vắng	Vắng
12	NV 3071	Lê Hồng	Nhung		26-07-1997	Vắng	Vắng	Vắng
13	NV 3074	Trần Thị Quỳnh	Trang		02-09-1995	Vắng	Vắng	Vắng
14	NV 3075	Dương Thị Tố	Uyên		13-06-1993	Vắng	Vắng	Vắng
VI	NHNN CN THỪA THIÊN HUẾ							
1	NV 3109	Nguyễn Đại Quốc	Anh	8-4-1992		36/60	26/30	Đạt
2	NV 3115	Nguyễn Thùy	Dung		19-5-1991	45/60	27/30	Đạt
3	NV 3116	Nguyễn Thùy	Giang		27-3-1985	43/60	25/30	Đạt
4	NV 3118	Tổng Vân	Giang		23-4-1994	38/60	26/30	Đạt
5	NV 3119	Lê Thị Thanh	Hằng		26-4-1993	39/60	25/30	Đạt
6	NV 3121	Hà Quang	Hiệp	25-10-1992		47/60	19/30	Đạt

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả
						Điểm KTC	Điểm TA	
7	NV 3123	Đỗ Quỳnh	Hương		13-2-1987	52/60	27/30	Đạt
8	NV 3127	Nguyễn Mai Trung	Lân	9-3-1995		45/60	25/30	Đạt
9	NV 3129	Nguyễn Bảo	Ngọc		10-1-1997	48/60	26/30	Đạt
10	NV 3131	Ngô Quang	Nhật	1-2-1993		47/60	22/30	Đạt
11	NV 3141	Dương Thị Minh	Thảo		22-1-1992	36/60	22/30	Đạt
12	NV 3142	Hoàng Thị Ái	Thủy		5-5-1986	35/60	25/30	Đạt
13	NV 3143	Nguyễn Thị Lệ	Thủy		28-8-1991	47/60	25/30	Đạt
14	NV 3145	Nguyễn Phước Khánh	Trang		7-5-1991	38/60	20/30	Đạt
15	NV 3146	Hoàng Thị Diệu	Trâm		9-12-1986	46/60	29/30	Đạt
16	NV 3148	Lê Văn Minh	Triển	15-1-1991		51/60	23/30	Đạt
17	NV 3149	Phan Ngọc Thục	Trinh		1-4-1998	36/60	22/30	Đạt
18	NV 3150	Lê Thị Cẩm	Uyên		5-5-1994	44/60	25/30	Đạt
19	NV 3151	Hoàng Lê Vy	Vy		22-9-1995	40/60	21/30	Đạt
20	NV 3108	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh		18-11-1998	29/60	25/30	Không đạt
21	NV 3133	Đinh Thị Kim	Oanh		1-2-1994	22/60	14/30	Không đạt
22	NV 3152	Nguyễn Thị Như	Ý		1-5-1994	Vắng	Vắng	Vắng
23	NV 3147	Võ Thị Huyền	Trân		6-9-1989	Vắng	Vắng	Vắng
24	NV 3144	Huỳnh Thị Thùy	Trang		20-4-1995	Vắng	Vắng	Vắng
25	NV 3134	Huỳnh Thị Diễm	Phương		22-10-1997	Vắng	Vắng	Vắng
26	NV 3135	Lê Minh Tú	Phương		12-4-1997	Vắng	Vắng	Vắng
27	NV 3136	Phạm Hoàng Mỹ	Phương		16-2-1995	Vắng	Vắng	Vắng
28	NV 3137	Phan Thị Nhật	Phương		23-7-1992	Vắng	Miễn	Vắng
29	NV 3138	Nguyễn Quý	Quốc	3-8-1998		Vắng	Vắng	Vắng
30	NV 3139	Lê Trung	Tiến	9-9-1988		Vắng	Vắng	Vắng
31	NV 3140	Tôn Nữ Triều	Thanh		6-5-1987	Vắng	Vắng	Vắng
32	NV 3132	Trần Thị Cẩm	Nhung		9-3-1988	Vắng	Vắng	Vắng
33	NV 3130	Tôn Nữ Nhật	Nguyên		25-7-1992	Vắng	Vắng	Vắng
34	NV 3128	Phạm Văn	Minh	12-2-1997		Vắng	Vắng	Vắng
35	NV 3110	Phạm Thị Ngọc	Anh		19-3-1987	Vắng	Vắng	Vắng



Skf

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả
						Điểm KTC	Điểm TA	
36	NV 3111	Dương Ngô Thái	Bình	30-10-1993		Vắng	Vắng	Vắng
37	NV 3112	Lê Thị Huyền	Châu		19-2-1997	Vắng	Vắng	Vắng
38	NV 3113	Lê Văn	Chinh	19-2-1991		Vắng	Vắng	Vắng
39	NV 3114	Bùi Văn	Danh	3-7-1993		Vắng	Vắng	Vắng
40	NV 3117	Tổng Hồng	Giang	24-11-1985		Vắng	Vắng	Vắng
41	NV 3120	Võ Thị Thúy	Hằng		6-4-1989	Vắng	Vắng	Vắng
42	NV 3122	Nguyễn Minh	Hoàng	20-5-1990		Vắng	Vắng	Vắng
43	NV 3124	Nguyễn Quỳnh	Hương		21-8-1995	Vắng	Vắng	Vắng
44	NV 3125	Ngô Phương Yến	Khoa		21-10-1998	Vắng	Vắng	Vắng
45	NV 3126	Nguyễn Thị Phương	Lan		28-9-1994	Vắng	Vắng	Vắng
VII NHNN CN PHÚ YÊN								
1	NV 3153	Phạm Thị Nguyên	Anh		25-10-1991	42/60	23/30	Đạt
2	NV 3155	Nguyễn Thị Huyền	Diệu		10-12-1992	49/60	24/30	Đạt
3	NV 3156	Nguyễn Thị Phương	Dung		10-01-1993	47/60	28/30	Đạt
4	NV 3157	Nguyễn Thị Phương	Duy		06-03-1992	43/60	23/30	Đạt
5	NV 3160	Nguyễn Thị Kim	Hiếu		04-08-1994	49/60	26/30	Đạt
6	NV 3163	Vương Thị Hoa Hồng	Lịch		20-03-1992	40/60	24/30	Đạt
7	NV 3164	Nguyễn Hưng Thuỳ	Linh		22-01-1992	44/60	27/30	Đạt
8	NV 3166	Lê Thị Hải	Lý		24-06-1989	46/60	22/30	Đạt
9	NV 3169	Trần Thị Thu	Nguyệt		09-10-1987	43/60	24/30	Đạt
10	NV 3170	Nguyễn Thị Kiều	Nhi		15-11-1992	47/60	21/30	Đạt
11	NV 3172	Nguyễn Thị Lan	Quỳnh		25-04-1987	42/60	22/30	Đạt
12	NV 3173	Lê Thị Thanh	Thái		18-07-1993	51/60	25/30	Đạt
13	NV 3175	Phạm Huỳnh	Thị	10-05-1992		50/60	27/30	Đạt
14	NV 3178	Phạm Huyền	Trang		22-12-1994	44/60	25/30	Đạt
15	NV 3181	Nguyễn Phú	Yên		30-03-1989	46/60	22/30	Đạt
16	NV 3161	Nguyễn Thị Thanh	Huệ		02-05-1989	40/60	21/30	Đạt
17	NV 3177	Lê Nữ Quỳnh	Trang		08-12-1993	36/60	11/30	Không đạt
18	NV 3154	Nguyễn Thị Trúc	Chi		15-01-1991	Vắng	Vắng	Vắng



TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh (Nam)	Ngày sinh (Nữ)	Số câu trả lời đúng		Kết quả
						Điểm KTC	Điểm TA	
19	NV 3158	Lê Thị Thu	Hà		25-09-1989	Vắng	Vắng	Vắng
20	NV 3159	Nguyễn Thị	Hằng		15-10-1992	Vắng	Vắng	Vắng
21	NV 3162	Đào Võ Mộng	Kha		15-12-1989	Vắng	Vắng	Vắng
22	NV 3165	Lê Thị Trúc	Ly		27-02-1992	Vắng	Vắng	Vắng
23	NV 3167	Lê Quỳnh	Mai		07-07-1998	Vắng	Vắng	Vắng
24	NV 3168	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Ngân		26-08-1988	Vắng	Vắng	Vắng
25	NV 3171	Phạm Võ Bích	Nhung		02-01-1994	Vắng	Vắng	Vắng
26	NV 3174	Trần Quang	Thảo	12-10-1993		Vắng	Vắng	Vắng
27	NV 3176	Nguyễn Thị Minh	Thư		01-08-1993	Vắng	Vắng	Vắng
28	NV 3179	Nguyễn Thục	Vi		09-09-1992	Vắng	Miễn	Vắng
29	NV 3180	Trịnh Thị	Vui		01-09-1994	Vắng	Vắng	Vắng
VIII NHNN CN QUẢNG NAM								
1	NV 3028	Nguyễn Quỳnh	Châu		25-09-1991	39/60	19/30	Đạt
2	NV 3031	Lưu Thị Thu	Hiền		19-06-1984	34/60	22/30	Đạt
3	NV 3034	Võ Phạm Nhất	Nguyên		30-05-1993	42/60	23/30	Đạt
4	NV 3036	Trần Thanh	Tuấn	29-08-1989		44/60	17/30	Đạt
5	NV 3037	Hoàng Phương	Thảo		01-09-1994	41/60	27/30	Đạt
6	NV 3038	Phan Thị Hồng	Thắm		29-11-1998	48/60	23/30	Đạt
7	NV 3040	Bùi Phương	Trúc		22-12-1988	44/60	24/30	Đạt
8	NV 3032	Phan Thị Lệ	Khuyên		03-03-1989	31/60	13/30	Không đạt
9	NV 3029	Nguyễn Thị Mỹ	Dung		08-04-1987	Vắng	Vắng	Vắng
10	NV 3030	Nguyễn Minh	Hằng		28-06-1996	Vắng	Vắng	Vắng
11	NV 3033	Trần Thị Duy	Linh		06-01-1993	Vắng	Vắng	Vắng
12	NV 3035	Ngô Anh	Tài	16-04-1996		Vắng	Vắng	Vắng
13	NV 3039	Phạm Thị Thảo	Trinh		18-10-1994	Vắng	Vắng	Vắng

Skp